

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 02/2024/HC-PT

Ngày 15 – 01 – 2024

*“V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Cần.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, ông Nguyễn Xuân Trọng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:***
Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 14/2023/TLPT-HC ngày 01/11/2023 về “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐPT-HC ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1945; cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ dân phố C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2022) (có mặt).

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quốc V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023) (vắng mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Ông Nguyễn Văn N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn N là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích khoảng 2,4ha đất đồi rừng tại khu Đ, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc do ông N mua của Ủy ban nhân dân xã T năm 1995. Từ đó đến nay, gia đình ông N sử dụng ổn định, không tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào. Ngày 17/4/2021, thông qua đường bưu điện ông N gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân xã T. Ngày 09/9/2022 ông N nhận được Công văn số 237/CV-UBND về việc không xác nhận đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã T. Nội dung thể hiện: Vị trí thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Q. Tuy nhiên, việc không xác nhận hồ sơ và trả lời bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã T là không đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã T cho rằng Phiếu thu số 56 ngày 01/3/1995 là phiếu thu tiền mằm chôi trên đất và xác định đây là đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Q là không đúng vì năm 1995 Ủy ban xã T và Hợp tác xã Nông nghiệp xã T có chủ trương bán đất đồi rừng cho các hộ dân có nhu cầu. Do gia đình ông N đông con, diện tích đất rừng lại gần nhà nên ông N làm thủ tục xin mua khoảng 2,4ha đất đồi rừng và đã nộp 960.000 đồng theo phiếu thu số 56 ngày 01/3/1995 cho Hợp tác xã Nông nghiệp xã T, trong đó ghi rõ nội dung thu tiền là nộp tiền mua đồi rừng. Sau đó gia đình ông N đã được Ủy ban nhân dân xã T tiến hành bàn giao đất lâm nghiệp tại thực địa. Khi nhận bàn giao xong, gia đình ông N đã quản lý, sử dụng trồng cây bạch đàn ổn định từ đó đến nay không phát sinh tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử lý vi phạm.

Do vậy, ông N khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hành vi không xác nhận đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Văn N của Ủy ban nhân dân xã T là trái quy định pháp luật. Hủy Công văn số 237/CV-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã T về việc không xác nhận đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tiếp nhận lại và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N.

Theo tại bản tự khai ngày 24/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là không có căn cứ vì: Thửa đất ông N đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Q, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án không giải quyết theo đơn khởi kiện của ông N để đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương cũng như việc quản lý sử dụng đất đai của Nhà nước theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn N ở địa chỉ: Khu Đ, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2023 ông Nguyễn Văn H đại diện cho người khởi kiện ông Nguyễn Văn N kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các đương sự về giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2; khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu, đối tượng khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn và đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N:

[4] Ngày 17/4/2021, ông N có gửi qua bưu điện hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã T. Khoản 2 Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: *“Trường hợp hồ sơ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký đất đai) tại Ủy ban nhân dân xã thì Ủy ban nhân dân xã nơi có đất tiếp nhận và trả kết quả”*. Điều c khoản 5 Điều 60 Nghị định 43 quy định *“Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do không đủ điều kiện giải quyết”*. Như vậy, Ủy ban nhân dân xã là cơ quan có thẩm quyền nhận hồ sơ đăng ký đất đai và có quyền trả lại hồ sơ đăng ký đất đai nếu không đủ điều kiện.

[5] Xét hồ sơ đăng ký đất đai của ông N: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/4/2021 của ông N có nội dung đăng ký không đúng, như: Năm 1995, ông N được Ủy ban nhân dân xã T giao 2,4ha đất lâm nghiệp rừng trồng, theo Bản đồ địa chính thì khu đất này hiện nay được quy hoạch là đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm, nhưng ông N lại đăng ký mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm là không đúng mục đích sử dụng. Đơn đăng ký nêu trên ghi nguồn gốc sử dụng là mua đất thanh lý của Ủy ban nhân dân xã T theo Phiếu thu số 56 ngày 01/03/1993. Nội dung kê khai nguồn gốc đất nêu trên cũng không đúng, vì năm 1995 Ủy ban nhân dân xã T không bán thanh lý đất cho ông N mà ngày 05/01/1995 ông N có đơn xin giao đất rừng, Ủy ban nhân dân xã T cấm mốc giao đất sử dụng không thời hạn khi cần thì thu hồi lại; Phiếu thu 56 nêu trên là phiếu thu của Hợp tác xã thu tiền bán mầm chồi trên đất, không phải phiếu thu của Ủy ban nhân dân, ông N cho rằng mua đất thanh lý của Ủy ban nhân dân xã T là không đúng. Đơn xin thuê đất ngày 07/02/2020 của ông N, ông N trình bày *“năm 1995 gia đình đã nộp 960.000 đồng về việc mua số cây trên đất đồi rừng và đề nghị được thuê đất của Ủy ban nhân dân xã”*. Như vậy, nội dung đăng ký đất không đúng, không phù hợp với mục đích sử dụng, nguồn gốc đất, căn cứ xác lập quyền sử dụng đất. Đây là căn cứ để cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ chối hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

[6] Về căn cứ xác lập quyền sử dụng đất:

[7] Thực hiện Nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về việc giao đất lâm nghiệp đồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, năm 1995 Ủy ban nhân dân xã T, huyện T phối hợp với Hạt kiểm lâm và đại diện thôn tiến

hành giao đất lâm nghiệp, khi đó đã làm nhiều hồ sơ giao đất rừng cho các hộ gia đình tại khu Đ, xã T và các hộ đã có quyết định giao đất Lâm nghiệp.

[8] Đối với trường hợp 2,4ha đất ông N được giao, hồ sơ thể hiện: Ngày 05/01/1995, ông N có Đơn xin nhận đất lâm nghiệp có nội dung: xin giao đất lâm nghiệp – rừng trồng năm 1993 diện tích 2,4ha, loại cây bạch đàn, thời hạn xin giao đất ghi: Không kỳ hạn khi cần tập thể thu hồi lại (dành thổ cư). Đơn có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Đơn xin giao đất nêu trên có nội dung giao đất không kỳ hạn khi cần tập thể thu hồi lại để làm đất thổ cư; hồ sơ giao đất rừng cho hộ ông N không được Ủy ban nhân dân xã T trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, ra quyết định giao đất rừng; Tòa án tiến hành xác minh tại Hạt kiểm lâm T2, kết quả không có hồ sơ liên quan đến việc giao đất lâm nghiệp cho ông Nguyễn Văn N ở khu Đ, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; ngày 07/02/2020 ông N có đơn xin thuê đất gửi Ủy ban nhân dân xã Đ thuê lại phần diện tích đất trên để sản xuất, nhưng không được cho thuê, chứng tỏ ông N thừa nhận đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân xã; thực tế phần đất này Ủy ban nhân dân xã T đã sử dụng một phần làm đất nghĩa trang, một phần làm đường và đã cấp 05 suất đất giãn dân cho 05 hộ gia đình và 05 hộ này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quá trình sử dụng ông N không ý kiến gì. Theo hồ sơ địa chính được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã thì đất ông N đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không phải là đất rừng, theo bản đồ VN B thì vị trí khu đất ông N đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đồi Gò Súc là đất trồng cây hàng năm chưa giao cho ai, chưa ai được đăng ký là đối tượng thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã T quản lý, sử dụng. Theo Bản đồ quy hoạch năm 2021 thì phần đất ông N sử dụng được quy hoạch là đất ở, đất trồng cây hàng năm, phần đất này chưa ai được đăng ký sử dụng thuộc phần đất Ủy ban nhân dân xã T trích ra từ quỹ đất nông nghiệp làm quỹ đất công ích của Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Như vậy, đất ông N đăng ký không phải đất rừng, năm 1995 Ủy ban nhân dân xã T xác nhận đơn của ông N xin giao đất rừng là không đúng mục đích sử dụng và thực tế hồ sơ giao đất rừng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt ra quyết định giao đất rừng cho ông N nên ông N không có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với đất này. Ủy ban nhân dân xã T xác định đất ông N đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất công ích của Ủy ban nhân dân xã, xã chỉ tạm giao cho ông N sử dụng là có căn cứ.

[9] Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì đất ông N đăng ký thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T1 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân xã T trả hồ sơ và ban hành Công văn số 237/CV-UBND ngày 09/9/2021 trả lời cho ông N biết về việc không xác nhận đơn đăng ký đất của ông N là có căn cứ.

[10] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa.

[11] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huy Cẩn